TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 72A/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2025
Về việc:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 200/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Th**, sinh ngày: 29/10/1987; Căn cước công dân số: 030187024620 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày: 08/06/2022; Địa chỉ: thôn AL, xã ChM, thành phố Hải Phòng. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người được chị Thêm ủy quyền giao, nhận văn bản: ông **Nguyễn Ngọc T,** bà **Trịnh Thị L,** ông **Đoàn Kh**; Địa chỉ: số 88 đường NgC, phường ThĐ, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh **Vũ Tiến Đ**, sinh ngày: 26/9/1983; Căn cước công dân số: 030083016709; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm 4, thôn NhT, xã TK, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1957; Địa chỉ: xóm 4, thôn NhT, xã TK, thành phố Hải Phòng. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1952; Địa chỉ: thôn AL, xã ChM, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày: Chị và anh Vũ Tiến Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã QuKh, huyện TK, tỉnh Hải Dương *(nay là Ủy ban nhân dân xã TK, thành phố Hải Phòng)* vào ngày 25/01/2010 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ anh Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, định hướng cuộc sống và tương lai khác nhau, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, không cùng quan điểm, không có hạnh phúc. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đến tháng 10 năm năm 2012, anh Đ đi lao động tại Đài Loan. Do mâu thuẫn từ trước nên mỗi lần anh Đ gọi điện về, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Đến khoảng năm 2018, chị xin phép về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống. Do chị và anh Đ không liên lạc với nhau và anh Đ cũng không nói cho chị biết địa chỉ nên chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể ở Đài Loan của anh Đ cho Tòa án được. Chị xác định anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị V nên đề nghị Tòa án xác minh với bà V để biết địa chỉ của anh Đ tại Đài Loan. Do bận công việc nên chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản làm việc ngày 13/11/2025 tại gia đình anh Vũ Tiến Đ, có sự chứng kiến của trưởng thôn NhT, mẹ đẻ anh Đ là bà Nguyễn Thị V đã gọi qua tài khoản Facebook cho con trai bà là anh Vũ Tiến Đ. Bà Vxác định người thanh niên nói chuyện với bà và làm việc với Tòa án qua Facebook hôm nay chính là anh Vũ Tiến Đ. Hiện, anh Đ đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan từ ngày 09/4/2019 và là con trai của bà. Anh Đ trình bày: Anh là con đẻ của bà Nguyễn Thị V và là chồng của chị Phạm Thị Th. Anh đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình về việc chị Phạm Thị Th xin ly hôn và giải quyết về con chung giữa anh và chị Th. Anh hoàn toàn nhất trí việc chị Th xin ly hôn và giải quyết về con chung của anh chị. Anh đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh thông qua mẹ anh là bà Nguyễn Thị V. Bà V sẽ có trách nhiệm thông báo nội dung và gửi cho anh qua Facebook. Anh hoàn toàn nhất trí các văn bản tố tụng này của Tòa án mà không thắc mắc, khiếu nại gì. Anh đồng ý giải quyết việc ly hôn và con chung của chị Th và anh tại Tòa án Khu vực 11 - Hải Phòng. Do điều kiện anh đã và đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan từ ngày 09/4/2019 đến nay nên anh không thể trực tiếp về Việt Nam để làm việc với Tòa án được, anh xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, tại phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Nếu Tòa án có hoãn phiên tòa chuyển sang ngày khác thì anh cũng xin vắng mặt. Anh và chị Phạm Thị Th là vợ chồng. Anh trình bày về điều kiện kết hôn, cơ quan đăng ký kết hôn cho anh chị như chị Th trình bày. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Do kinh tế khó khăn nên năm 2014 anh sang Đài Loan làm việc. Mâu

thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bất đồng quan điểm sống, luôn cãi nhau, kinh tế không tập trung, nhiều lần vợ chồng nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng do ở xa nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt và hai người không muốn nói chuyện với nhau nữa. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng xa cách đã lâu nên chị Th xin ly hôn, anh nhất trí. Do anh làm ở công ty không ổn định, công việc nay đây mai đó, không cố định một nơi nên địa chỉ của anh luôn thay đổi, vì vậy, anh không thể cung cấp địa chỉ chính xác cho Tòa án được. Anh xác định anh đang cư trú và làm việc tại Đài Loan từ năm 2014 đến nay và vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn NhT, xã TK, thành phố Hải Phòng. Anh cam đoan không khiếu nại, kháng cáo bất kỳ nội dung gì và nhất trí với quan điểm của chị Th đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Vũ Tiến Đ thông qua mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị V. Bà V trình bày: chị Th và anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010, được đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã QuKh, huyện TK *(nay là Ủy ban nhân dân xã TK, thành phố Hải Phòng).* Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình bà. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, hay cãi vã. Đến năm 2014, anh Đ làm thủ tục đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng do mâu thuẫn từ trước nên nói chuyện thường hay cãi vã. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh chị không hòa giải được. Trước khi ly hôn, chị Th có nói chuyện với bà về mâu thuẫn vợ chồng của anh chị và mong muốn được ly hôn. Bà thường xuyên liên lạc với anh Đ qua điện thoại, Facebook nên Tòa án gửi các văn bản cho bà, bà đã nhận thay và thông báo cho anh Đ biết. Quan điểm của anh Đ đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, vay nợ anh chị không có. Bà nhất trí việc chị Th nuôi con và anh chị không có tài sản chung, nợ chung, vay nợ. Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ tại Đài Loan. Bà có hỏi địa chỉ nhiều lần nhưng anh Đ trình bày do anh làm ở công ty không ổn định, không có địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Tòa án được và bà xác định anh Đ đang cư trú tại Đài Loan từ năm 2014 đến nay là đúng. Trường hợp Tòa án tiếp tục giao các văn bản của Tòa thì bà sẽ nhận thay và thông báo cho anh Đ biết. Anh Đ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ này với bà. Sau buổi làm việc lần trước, bà vẫn tiếp tục thông báo cho anh Đ biết qua điện thoại về việc chị Th xin ly hôn anh Đ và giải quyết về con chung của anh chị. Anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và con chung theo quan điểm chị Th. Anh Đ đang ở nước ngoài, không thể viết bản tự khai trình bày quan điểm gửi về cho Tòa án giải quyết, anh Đ trao đổi lại do bận công việc nên không thể viết bản tự khai được và không cung cấp địa chỉ tại Đài Loan cho bà nên bà không cung cấp được địa chỉ của anh Đ cho Tòa án được. Qua điện thoại, anh Đ nhờ bà trao đổi với Tòa án anh đồng ý ly hôn với chị Th và đồng ý giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, vay nợ không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh xin vắng mặt tại Tòa án. Bà V cũng xin vắng mặt tại Tòa.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Phạm Thị T là mẹ đẻ của chị Th trình bày:

Chị Th và anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã QuKh, huyện TK, tỉnh Hải Dương *(nay là Ủy ban nhân dân xã TK, thành phố Hải Phòng)*. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2014, anh Đ làm thủ tục đi nước ngoài, do mâu thuẫn từ trước nên mỗi lần anh Đ gọi điện về nói chuyện, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng xa nhau nhiều thời gian nên tình cảm vợ chồng nhạt dần, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được và không còn hạnh phúc. Trước khi làm đơn xin ly hôn, chị Th nói chuyện với bà và gia đình về mâu thuẫn vợ chồng, mong muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. Nay, chị Th xin ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh chị có một con chung, đang ở với chị Th và gia đình bà, cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Về tài sản chung, nợ chung thì anh chị không có.

Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị Th, anh Vũ Tiến Đ và gia đình hai bên trình bày, vợ chồng anh chị có một con chung là Vũ Thị Khánh L, sinh ngày: 05/10/2010. Hiện, cháu L đang ở với mẹ. Chị Th có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh nhất trí.

Tại Đơn và biên bản lấy lời khai, cháu Vũ Thị Khánh L có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung, chị Th, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh, Công an xã TK, thành phố Hải Phòng cung cấp: Anh Vũ Tiến Đ, sinh ngày: 26/09/1983; số căn cước công dân: 030083016709; hộ khẩu thường trú: xóm 4, thôn NhT, xã TK, thành phố Hải Phòng; mẹ đẻ: Nguyễn Thị V, sinh năm: 1957; bố đẻ: Vũ Văn Đ: đã chết; hộ khẩu thường trú: xóm 4, thôn NhT, xã TK, thành phố Hải Phòng; vợ: Phạm Thị Th, sinh ngày: 29/10/1987; số căn cước công dân: 030187024620; chị Th không đăng ký hộ khẩu tại NhT, TK, thành phố Hải Phòng.

Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TK, thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị Phạm Thị Th và anh Vũ Tiến Đ tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QuKh, huyện TK *(nay là Ủy ban nhân dân xã TK, thành phố Hải Phòng)* vào ngày 25/01/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến năm 2014, anh Đ đi lao động tại Đài Loan, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị Th hiện không còn ở tại gia đình anh Đ mà về nhà mẹ đẻ sinh sống cùng với con gái. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Nay, chị Th xin ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có một con chung như chị Th trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Th và cháu L. Về tài sản chung, nợ chung, vay nợ không có. Anh Đ vẫn sinh sống, làm việc từ năm 2014 đến nay tại Đài Loan và vẫn đăng ký thường trú tại địa phương.

Tại Công văn số: 3411/XNC-Đ1 ngày 28/10/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng cung cấp: Anh Vũ Tiến Đ xuất cảnh gần nhất ngày 09/4/2019 bằng hộ chiếu số B9111248 qua cửa khẩu Nội Bài; chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Chị Th có đơn, anh Đ có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Chị Th xin được ly hôn, anh Đ nhất trí; chị Th có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ nhất trí. Tài sản chung, nợ chung không có nên chị Th và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật số: 85/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Vũ Tiến Đ; về quan hệ con chung: giao con chung là Vũ Thị Khánh L, sinh ngày: 05/10/2010 cho chị Phạm Thị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 12/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Th về việc chị Th không yêu cầu anh Vũ Tiến Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Vũ Tiến Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: buộc chị Phạm Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng. Chị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 05/12/2025; tại phiên tòa, anh Vũ Tiến Đ vắng mặt, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay 15/12/2025. Tại phiên tòa hôm nay, chị Th có đơn xin vắng mặt, anh Đ xin vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Th, anh Đ theo quy định tại khoản 1; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị Th và anh Vũ Tiến Đ được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã QuKh, huyện TK, tỉnh Hải Dương *(nay là Ủy ban nhân dân xã TK, thành phố Hải Phòng)* vào ngày 25/01/2010 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, định hướng cuộc sống và tương lai khác nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng xa cách nên tình cảm lạnh nhạt. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Hiện nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Chị Th xin ly hôn, anh Đ nhất trí, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Th xin ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về quan hệ con chung: anh chị có một con chung là Vũ Thị Khánh L, sinh ngày: 05/10/2010. Hiện, cháu L đang ở với mẹ. Sau ly hôn, chị Th có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh nhất trí. Chị Th cam kết có đủ khả năng, điều kiện chăm sóc con chung đến khi trưởng thành. Mặt khác, cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ, gia đình hai bên đều đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng. Anh Đ lại ở nước ngoài nên chị Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con là chính đáng, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của con, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Phạm Thị Th và anh Vũ Tiến Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Th xin ly hôn anh Vũ Tiến Đ nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật số: 85/2025/QH15 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Vũ Tiến Đ.

2. Về quan hệ con chung: giao con chung là Vũ Thị Khánh L, sinh ngày: 05/10/2010 cho chị Phạm Thị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 12/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Th về việc chị Th không yêu cầu anh Vũ Tiến Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Tiến Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, do bà Trịnh Thị L nộp thay, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E số: 0003376 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Th, anh Đ. Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 11 - Hải Phòng;
- Phòng THADS Khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã TK để lưu hộ tịch (Kết hôn ngày 25/01/2010 tại UBND xã QuKh, huyện TK, tỉnh Hải Dương);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thúy Hạnh